

Số: 24/2023/QĐST-KDTM

Tp. Bắc Ninh, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 39/2023/TLST - KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (BIDV);

Địa chỉ: Tháp B, số 194 Tr, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K;

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu H, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K;

Địa chỉ: Tòa nhà C, Lô C, đường L, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại M;

Địa chỉ: Số 131 đường L, khu 6, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ng, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Bùi Trung K, sinh năm 1975; Trú tại: Khu 6, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Trung K, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Nh, sinh năm 1978;

Trú tại: Khu 6, phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh do ông Bùi Trung

K là đại diện theo ủy quyền;

- Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1990; Trú tại: Khu Th, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Xác nhận Công ty TNHH Thương mại M còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tính theo hợp đồng tín dụng số: 03/2021/3324917/HĐTD ngày 29/10/2021 tính đến ngày 26/6/2023 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn là 63.757.220.712 đồng trong đó dư nợ gốc là 59.185.000.000 đồng, nợ lãi là 2.469.715.396 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.102.505.316 đồng.

Kể từ ngày 27/6/2023 Công ty TNHH Thương mại M tiếp tục phải chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về phương án trả nợ:

- Ngày 30/9/2023 Công ty TNHH Thương mại M trả cho Ngân hàng TMCP Đ 10.000.000.000 đồng (Mười tỉ đồng);

- Ngày 31/12/2023 Công ty TNHH Thương mại M trả cho Ngân hàng TMCP Đ 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỉ đồng);

- Ngày 31/3/2024 Công ty TNHH Thương mại M trả cho Ngân hàng TMCP Đ 10.000.000.000 đồng (Mười tỉ đồng);

- Ngày 30/6/2024 Công ty TNHH Thương mại M trả cho Ngân hàng TMCP Đ 10.000.000.000 đồng (Mười tỉ đồng);

- Ngày 30/9/2024 Công ty TNHH Thương mại M trả cho Ngân hàng TMCP Đ 10.000.000.000 đồng (Mười tỉ đồng);

- Ngày 31/12/2024 Công ty TNHH Thương mại M thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 12/2021/3324917/HĐBĐ ngày 22/4/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 12/2021/33244917/HĐBĐ ngày 22/4/2021 số 01.12/2021/2297746/HĐBĐ ngày 15/4/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2021/3324917/HĐBĐ ngày 08/3/2021, Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2018/3324917/HĐBĐ ngày 10/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2021/3324917/HĐBĐ ngày 08/3/2021, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2021/33244917/HĐBĐ ngày 07/4/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế

chấp số 10/2021/33244917/HĐBĐ ngày 07/4/2021 số 01.10/2021/3324917/SĐBS ngày 15/8/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2022/3324917/HĐBĐ ngày 15/4/2022, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 11/2021/3324917/HĐBĐ ngày 22/4/2021, Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2021/3324917/HĐBĐ ngày 10/3/2021, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2022/3324917/HĐBĐ ngày 15/7/2022, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2021/3324917/HĐBĐ ngày 08/3/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2021/3324917/HĐBĐ ngày 08/3/2021 số 01.04/2021/2297746/HĐBĐ ngày 15/4/2022, Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2021/3324917/HĐBĐ ngày 10/3/2021. Tài sản thế chấp gồm:

1. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 203977, số vào sổ cấp GCN: CS01368 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/5/2021 cho ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị H, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh ngày 09/5/2022.

2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 282847, số vào sổ cấp GCN: CH00563 tại phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, do UBND thành phố Bắc Ninh cấp ngày 08/5/2014 cho ông Nguyễn Văn S, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh ngày 13/5/2020.

3. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 868254, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00323 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp ngày 25/4/2008 cho ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Thúy H tại phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh ngày 07/4/2021.

4. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 246166 tại phường Th, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh.

5. Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 823180, số vào sổ cấp GCN: H0231/QĐ771 do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 07/6/2017 cho bà Bùi Thị D, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh ngày 16/5/2017.

6. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 279642, số vào sổ cấp GCN: CS01617 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13/4/2022 tại

phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh.

7. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai i10, BKS: 99A-258.10, màu đỏ của Công ty TNHH Thương mại M.

8. Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, BKS: 99C-047.05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002453 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 10/11/2014.

9. Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, BKS: 99C-047.82 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002455 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 10/11/2014.

10. Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, BKS: 99C-140.26 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033982 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/3/2018.

11. Xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, BKS: 99C-102.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020204 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/11/2016.

Trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 868254, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00323 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp ngày 25/4/2008 cho ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Thúy H tại phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Nh ngày 07/4/2021 thì tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Trường S, sẽ được trích trả lại anh S bằng tiền theo giá trị tương ứng với tài sản trên đất.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chi phí tố tụng: Công ty TNHH Thương mại M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 45.000.000 đồng. Xác nhận Ngân hàng đã nộp số tiền này nên Công

ty TNHH Thương mại M phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 45.000.000 đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại M phải chịu 85.878.610 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 84.240.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001740 ngày 24 tháng 2 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tp. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp. Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thư